

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HS-ST
Ngày: 13-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Ôn và bà Bùi Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

BÙI VĂN L1, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2002 tại L - Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm Đ, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: sinh viên; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn N (đã chết) và bà Quách Thị P; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Các bị hại: Anh Bùi Văn T, sinh năm 2004 (Đã chết). Nơi cư trú trước khi chết: Xóm Đ, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Người đại diện hợp pháp của bị hại Bùi Văn T: Ông Bùi Văn N1, sinh năm 1979. Trú tại: Xóm Đ, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Anh Bùi Minh L, sinh năm 2003. Trú tại: xóm Đ, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Bà Bùi Thị P1, sinh năm 1984. Trú tại: xóm S, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Quách Thị P, sinh năm 1981. Trú tại: Xóm Đ, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Người làm chứng: Anh Quách Văn B, sinh năm 2000; Chị Bùi Thị D, sinh năm 1995; Anh Bùi Duy B1, sinh năm 2006; Chị Bùi Thanh N2, sinh năm 2006.

Cùng trú tại: Xóm Đ, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

Chị Bùi Thị T1, sinh năm 2003. Trú tại: Xóm R, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 45 phút, ngày 31/12/2023, Bùi Văn L1 điều khiển xe mô tô BKS 28N1-513.17 chở theo Bùi Văn T đi trên tuyến đường C, hướng từ xã M đi xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, đi đến đoạn km10+250 thuộc địa phận xóm Đ, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình, do đã uống rượu say, không chú ý quan sát và không làm chủ được tốc độ nên Bùi Văn L1 đã điều khiển xe đâm vào phía sau bên trái Bùi Minh L đang đi bộ, làm xe mô tô đang điều khiển bị đổ nghiêng sang trái, trượt lê sang phần đường bên trái và tiếp tục đâm va với xe mô tô BKS 28N1-302.24 đi ngược chiều do bà Bùi Thị P1 điều khiển, gây tai nạn giao thông. Hậu quả làm anh Bùi Văn T tử vong, anh Bùi Minh L bị gãy chân trái, hai phương tiện giao thông bị hư hỏng.

Theo kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: đoạn đường xảy ra tai nạn là đường thẳng, hai chiều, phân cách bằng vạch sơn đã mờ, mặt đường tương đối bằng phẳng, rải bê tông nhựa, lòng đường rộng 3,6m, lề phải rộng 2m, lề trái rộng 1,9m. Đoạn đường không có hệ thống biển báo giao thông. Lấy mép đường bên phải hướng xã M - xã N làm chuẩn, lấy cột điện số HH041 làm mốc vụ tai nạn. Xác định vị trí va chạm giữa xe mô tô do Bùi Văn L1 điều khiển với người đi bộ là anh Bùi Minh L nằm trên lề đường bên phải; giữa xe mô tô do Bùi Văn L1 điều khiển với xe mô tô do bà Bùi Thị P1 điều khiển nằm trên phần đường bên trái theo mép đường chuẩn.

Tại Kết luận giám định pháp y về tử thi số 06/KLGĐTT - PC09 - CAT, ngày 08/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công tỉnh H kết luận: Nạn nhân Bùi Văn T chết do chấn thương gây đứt sống cổ.

Tại Kết luận giám định số 45/KL-KTHS, ngày 12/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công tỉnh H kết luận: Mẫu máu lấy từ Bùi Văn L1 có Ethanol (còn), nồng độ 27mg/100ml máu.

Tại Kết luận giám định số 60/KLTTCT-TTPY, ngày 08/3/2024 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh H xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Bùi Minh L tại thời điểm giám định là 25%, do vật tày gây nên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 117/KL-HĐĐGTS, ngày 16/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L, tỉnh Hòa Bình xác định xe mô tô BKS 28N1-513.17 thiệt hại do tai nạn là 21.000.000 đồng; xe mô tô BKS 28N1-302.24 thiệt hại do tai nạn là 9.500.000 đồng.

Tang vật thu giữ và quá trình xử lý vật chứng: Tang vật thu giữ tại giai đoạn điều tra là: 01 xem mô tô BKS 28N1-513.17; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Bùi Văn L1; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Bùi Văn L1; 01 xe mô tô BKS 28N1-

302.24; 01 đăng ký xe mang tên Bùi Thị P1; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Bùi Thị P1. Các vật chứng nêu trên đã được Cơ quan điều tra giao trả cho các chủ sở hữu, trừ giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Bùi Văn L1 hiện được lưu giữ theo hồ sơ chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường cho gia đình anh Bùi Văn T số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng; bồi thường cho anh Bùi Minh L 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng; bồi thường cho bà Bùi Thị P1 số tiền 11.000.000 (Mười một triệu) đồng. Gia đình nạn nhân, các bị hại không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo và đều xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại Bản Cáo trạng số 33/CT-VKS-LS, ngày 30/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã truy tố bị cáo Bùi Văn L1 về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố, tội danh và điều khoản luật áp dụng đối với bị cáo. Xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015. Có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình nạn nhân và các bị hại đều có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo; bị cáo có bà nội là người có công với cách mạng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 36 tháng tù, cho bị cáo được hưởng án treo. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về vật chứng của vụ án, các vật chứng Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu là hợp pháp nên đề nghị không xem xét. Đối với giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Bùi Văn L1 là giấy tờ hợp pháp của bị cáo đề nghị trả lại cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: do gia đình nạn nhân, các bị hại không có yêu cầu thêm nên đề nghị không xem xét.

Đại diện bị hại Bùi Văn T, các bị hại Bùi Minh L không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm và giữ nguyên ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Quách Thị P không yêu cầu bị cáo bồi hoàn số tiền đã bỏ ra bồi thường thay cho bị cáo.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình; không có ý kiến gì về nội dung Cáo trạng phản ánh; không kêu oan, xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Cơ

quan điều tra, của Kiểm sát viên, của Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên xác nhận là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo:* Vào hồi khoảng 23 giờ, ngày 31/12/2023, tại Km 10+250, tuyến đường C, thuộc địa phận xóm Đ, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình, Bùi Văn L1 điều khiển xe mô tô BKS 28N1-5130.17 chở theo sau là anh Bùi Văn T, do say rượu, không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ; đã lấn vào lề đường bên phải nên đâm va vào người anh Bùi Minh L đang đi bộ, làm xe đồ nghiêng, lê trượt sang phần đường ngược chiều tiếp tục đâm va với xe mô tô BKS 28N1 - 302.24 do bà Bùi Thị P1 điều khiển, gây tai nạn giao thông. Lỗi gây tai nạn giao thông hoàn toàn thuộc về bị cáo. Khi tham gia giao thông, bị cáo đã không đi đúng làn đường, phần đường quy định; không tự giác, nghiêm chỉnh chấp hành quy tắc giao thông; không làm chủ tốc độ; không điều khiển phương tiện đi với tốc độ phù hợp điều kiện đường bộ, địa hình, điều kiện giao thông; tham gia giao thông trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu là vi phạm các quy định về tham gia giao thông đường bộ được quy định tại khoản 5 Điều 4; khoản 8 Điều 8; khoản 1 Điều 9 Luật Giao thông đường bộ; khoản 3 Điều 4 và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT của Bộ G. Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp kết quả khám nghiệm hiện trường, dấu vết để lại trên thân thể nạn nhân, bị hại, dấu vết trên các phương tiện giao thông liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Hậu quả tai nạn là nghiêm trọng; làm một người chết và một người bị thương. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh, điều khoản luật áp dụng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:* Tội phạm mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Do sử dụng rượu, bia dẫn đến thiếu ý thức, cẩu thả và coi thường các quy định của pháp luật khi tham gia giao thông đường bộ; đã vi phạm vào những quy định của Nhà nước về bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông đường bộ, gây hậu quả nghiêm trọng; tước đi tính mạng, sức khỏe của người cùng tham gia giao thông, làm hư hỏng các phương tiện tham gia giao thông đường bộ. Do vậy, cần áp dụng đối với bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo bị cáo trở thành công dân bình thường, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015. Sau khi phạm tội, bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Ngoài ra, bị cáo còn

được đại diện gia đình nạn nhân, các bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; gia đình bị cáo thuộc diện diện hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ; bị cáo có bà nội tham gia Thanh niên xung phong và được tặng Kỷ niệm chương; bản thân bị cáo là sinh viên, có chiều hướng phát triển trở thành công dân có ích cho xã hội. Đây là những tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Xét, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên Hội đồng xét xử xét không cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Đề nghị của Kiểm sát viên, của bị cáo xin hưởng án treo là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] *Về tang vật của vụ án:* Vật chứng còn lại của vụ án là giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Bùi Văn L1 là giấy tờ hợp pháp của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo. Các vật chứng khác đã được Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nhưng không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án; đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Gia đình nạn nhân Bùi Văn T, các bị hại Bùi Minh L, Bùi Thị P1 không có yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về hình phạt bổ sung:* Xét bị cáo chưa có ngành nghề, chức vụ; việc điều khiển xe mô tô không phải là nghề nghiệp chính nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật Hình sự 2015.

[8] *Về án phí:* Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn L1 phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn L1 03 (Ba) năm tù, cho hưởng án treo, thử thách 5 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án 13/8/2024.

Giao bị cáo Bùi Văn L1 cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục bị cáo Bùi Văn L1 trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Bùi Văn L1 thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Bùi Văn L1 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Bùi Văn L1 phải chấp hành hình phạt tù đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Bùi Văn L1 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Bùi Văn L1. *(Vật chứng hiện đang lưu giữ theo hồ sơ vụ án).*

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Bùi Văn L1 phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, đại diện bị hại, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Cơ quan điều tra – CA Lạc Sơn;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã M – Lạc Sơn – HB;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn